

Bản án số: **1682/2022/KDTM-ST**
Ngày 20 tháng 9 năm 2022
V/v “Tranh chấp giữa người chưa
phải là thành viên công ty nhưng
có giao dịch góp vốn với công ty”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Triều
2. Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 20/9/2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 165/2018/TLST-KDTM ngày 30/10/2018 về “Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch góp vốn với Công ty” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4409/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11197/2022/QĐST-KDTM ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: 3A Trần P, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại T

Địa chỉ: 49 Đường C, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ (đã chết). Bà Phạm Hồng Trung N được chỉ định làm đại diện theo pháp luật theo Thông báo số 10480/TB-TA ngày 04/8/2022 về việc chỉ định người đại diện theo pháp luật để tham gia tố tụng của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 151/6 Đường P, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: 269/33/5 Đường I, Phường Z, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồng Hà T (Vắng mặt)

3.2. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn Đ

3.2.1. Bà Phạm Hồng Anh Th (Vắng mặt)

3.2.2. Bà Hồng Hà T (Vắng mặt)

3.2.3. Bà Phạm Hồng Trung N (Vắng mặt)

3. Bà Phạm Hồng Anh Th (Vắng mặt)

4. Bà Phạm Hồng Trung N (Vắng mặt)

5. Bà Hồng Mộng V (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 151/6 Đường P, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng địa chỉ liên lạc: 269/33/5 Đường I, Phường Z, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện không ngày tháng 6 năm 2016; Đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 04/11/2020 và ngày 11/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Quang V trình bày:

Bà Hồng Hà T và ông Phạm Văn Đ là vợ chồng. Ông V và bà T là bạn học từ năm 1976. Năm 2012, bà T mời ông V tham gia Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại T (Từ đây viết tắt Công ty T), ông đồng ý và đã góp vốn chuyển tiền cụ thể:

- Ngày 09/01/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 50.000.000 đồng;
- Ngày 25/01/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 300.000.000 đồng;
- Ngày 06/03/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 310.000.000 đồng;
- Ngày 12/03/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 90.000.000 đồng.

Sau khi đã nộp đủ 750.000.000 đồng vào tài khoản Công ty T thì bà T có giao cho ông Giấy xác nhận số 03/XN-TL ngày 23/03/2013 với nội dung: “Xác nhận Nguyễn Quang V là cổ đông của mỏ đá Suối Ngọc, tại thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Trục thuộc Công ty T, đã đầu tư 750.000.000 VNĐ, ... Tổng số cổ phần được hưởng 6% ...” và yêu cầu ông ký vào.

Sau đó bà T tiếp tục yêu cầu ông chuyển tiền. Ngày 13/5/2013 ông chuyển vào tài khoản Công ty T 100.000.000đ. Tổng cộng (5 lần) ông đã chuyển vào tài khoản Công ty T là 850.000.000 đồng.

Từ đó đến nay, ông không được biết bất kì một hoạt động, báo cáo nào của công ty. Qua tìm hiểu thì trên thực tế hoàn toàn không có Công ty Cổ phần Mỏ Đá Suối Ngọc nào trực thuộc Công ty T.

Đến tháng 10/2014, ông Đ qua đời. Ông đến gặp bà T để hỏi tiền của mình, bà T hứa sẽ trả lại số tiền cho ông nhưng sau đó không thực hiện. Nay ông khởi kiện yêu cầu:

Đơn khởi kiện không ngày tháng 6 năm 2016 ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T trả lại cho ông số tiền 850.000.000 đồng và tiền lãi;

Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/11/2020 ông yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm, thời gian tạm tính là 5 năm 5 tháng 20 ngày (tạm tính đến ngày 02/11/2020) trên số tiền 850.000.000 VNĐ là 418.575.000 VNĐ và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/7/2022 ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hủy giao dịch góp vốn giữa ông Nguyễn Quang V và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu:

- Tuyên bố hủy giao dịch góp vốn giữa ông Nguyễn Quang V và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T.

- Buộc Công ty T trả lại cho ông số tiền 850.000.000 đồng.

Tự nguyện rút yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm trên số tiền 850.000.000 đồng.

* Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T là bà Hồng Hà T đại diện theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 05/12/2017 để giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 10 trình bày ý kiến: Công ty xác nhận có nhận 850.000.000 đồng tiền góp vốn của ông V, đồng ý trả lại toàn bộ cho ông V trong thời hạn 24 tháng, chậm nhất là ngày 30/6/2020 với phương thức mỗi tháng trả cho ông V 10.000.000 đồng cho đến ngày 30/6/2020.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồng Hà T trình bày tại các biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa án nhân dân Quận 10 như sau:

Ông V có góp vốn vào mỏ đá Suối Ngọc là 750.000.000 đồng, sau đó ông Đ với tư cách cá nhân có mượn thêm 120.000.000 đồng đã trả 30.000.000 đồng. Vậy ông Đ còn nợ lại 90.000.000 đồng, Công ty T nhận góp vốn 750.000.000 đồng.

Công ty T là người đứng pháp nhân để ký hợp đồng khai thác đá vì không đủ tiền làm nên kêu gọi anh em tham gia góp vốn cùng làm cùng chia. Do ông V

góp vốn vào mỏ đá nên lời ăn lỗ chịu, bà cần thời gian để tổng hợp các vật tư hiện có ở Suối Ngọc để bán, sau đó Công ty T chia lợi nhuận hoặc chia lỗ với các thành viên góp vốn vào mỏ đá Suối Ngọc.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Hồng Anh Th, bà Phạm Hồng Trung N, bà Hồng Mộng V không đến Tòa án trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn xét xử có kéo dài so với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hủy giao dịch góp vốn giữa ông Nguyễn Quang V và Công ty T, Công ty T trả lại cho ông V số tiền 850.000.000 đồng nên đây là “Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch góp vốn với công ty”, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 30, Khoản 1 Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Do vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định chuyển vụ án số 59/2018/QĐST-KDTM ngày 05/10/2018 và chuyển hồ sơ theo quy định.

[2] Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 0301445179 đăng ký lần đầu ngày 08/01/1998, thay đổi lần thứ 13 ngày 12/10/2009 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty trách

nhệm hữu hạn Xây dựng - Thương mại T do ông Phạm Văn Đ là người đại diện theo pháp luật.

Theo Giấy chứng tử số 105, Quyền số 01/2014 ngày 21/10/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8 cấp thì ông Phạm Văn Đ chết ngày 06/10/2014.

Từ ngày ông Đ chết đến nay Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng - Thương mại T không thay đổi người đại diện theo pháp luật, vì vậy Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo về việc cử người đại diện theo pháp luật số 8100/2022/TB-TA ngày 12/7/2022 cho các thành viên của Công ty T có thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận văn bản của Tòa để thực hiện việc các thành viên họp lại để cử người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng trong hồ sơ thụ lý số 165/2018/TLST-KDTM ngày 30/10/2018. Do các thành viên của Công ty T không cử người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng, căn cứ Khoản 5, 7 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020, ngày 04/8/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 10480/TB-TA về việc chỉ định người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Hồng Trung N.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong đó có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn Đ, để bảo đảm về thủ tục tổng đạt, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình Việt Nam (VTV9) vào các ngày 21, 22, 23/7/2022 và Báo Pháp luật số 202, 203, 204 ngày 21, 22, 23/7/2022), đăng cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên các đương sự không đến Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Với yêu cầu: Tuyên bố hủy giao dịch góp vốn giữa ông Nguyễn Quang V và Công ty T.

Xét về hình thức góp vốn giữa ông V và Công ty T: Hai bên không có văn bản thỏa thuận, không có hợp đồng.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ số 8101/2022/TB-TA ngày 12/7/2022 cho các thành viên của Công ty T yêu cầu nộp Biên bản họp Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của Đại hội đồng thành viên về việc đồng ý cho ông V góp vốn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 56 Luật doanh nghiệp năm 2014, nộp tài liệu chứng minh dự án khai thác mỏ đá Suối Ngọc được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp cho Công ty T, Sở đăng ký thành viên của Công ty T nhưng Công ty T không cung cấp chứng cứ, cũng không đến Tòa nên phải chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt, không cung cấp chứng cứ theo quy định Khoản 5 và Khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét giấy xác nhận số 03/XN-TL ngày 23/3/2013 Công ty T cấp cho ông V là cổ đông là không phù hợp với quy định Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Theo tài liệu do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tính đến ngày 09/10/2009 thành viên của công ty T nộp Phòng đăng ký kinh doanh là những người sau: Ông Phạm Văn Đ; bà Phạm Hồng Anh Th; bà Hồng Hà T; bà Phạm Hồng Trung N; bà Hồng Mộng V chưa có văn bản mới cập nhật tên ông V vào là thành viên Công ty. Công ty T không được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận giao khai thác mỏ đá Suối Ngọc, vì vậy giao dịch góp vốn của ông V vào mỏ đá Suối Ngọc là có đối tượng không thể thực hiện được nên vô hiệu theo Điều 411 Bộ luật dân sự năm 2005 “Hợp đồng dân sự vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được”. Hợp đồng bị vô hiệu là lỗi của Công ty T, ông V không có lỗi. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn tuyên hủy giao dịch góp vốn là có cơ sở chấp nhận. Ông V không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[4.2] Xét yêu cầu buộc Công ty T trả lại cho ông số tiền 850.000.000 đồng:

Ông V thực tế có chuyển tiền vào tài khoản của công ty T cụ thể:

- Ngày 09/01/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 50.000.000 đồng;

- Ngày 25/01/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 300.000.000 đồng;

- Ngày 06/03/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 310.000.000 đồng;

- Ngày 12/03/2013 chuyển vào tài khoản công ty T 90.000.000 đồng.

- Ngày 13/5/2013 chuyển vào tài khoản Công ty T 100.000.000 đồng. Tổng cộng 850.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 26/6/2018, Công ty T xác nhận có nhận 850.000.000 đồng của ông V góp vốn và đồng ý hoàn trả lại nhưng đến nay không nộp tài liệu chứng từ chứng minh đã hoàn tiền cho ông V nên Công ty T có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho ông V là phù hợp quy định Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Xét thời gian trả: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

[6] Tại phiên tòa ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện Công ty T phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm trên số tiền 850.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện và phù hợp với Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị

của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn ông V là 850.000.000 đồng, số tiền án phí phải chịu là 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[9] Chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 30, Khoản 1 Điều 37, Điều 38, Điều 227, Điều 244, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 47, 56 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

- Căn cứ Điều 137, Điều 411 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Quang V.

1. Tuyên bố hủy giao dịch góp vốn giữa ông Nguyễn Quang V và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T.

2. Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T phải trả cho ông Nguyễn Quang V 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) làm một lần ngay khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V về việc yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm trên số tiền gốc 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T phải chịu 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Quang V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông V 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/00397 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn tự nguyện chịu.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo